

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26/8/2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thiện Pháp;
2. Bà Lê Hiếu Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 207/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị P**, sinh năm 1980;

Địa chỉ HKTT: Tổ D, ấp S, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Tạm trú: Hẻm F, khu phố L, phường L, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

* Bị đơn: **Ông Lê Văn L**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Tổ D, ấp S, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại

phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày như sau:

Bà và ông Lê Văn L do mai mối, sau đó tìm hiểu được 01 tháng thì tự nguyện tiến đến kết hôn vào năm 1997, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V ngày 27/10/2003. Quá trình chung sống với nhau, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 4/2023 tới nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp, ông L gia trưởng, thường xuyên nhậu nhẹt, mỗi lần nhậu nhẹt vô là chửi bới, đánh đập vợ con, không lo kinh tế trong gia đình nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nhận thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn L.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung tên là Lê Thị Q, sinh ngày 30/3/1998 (đã trưởng thành) và Lê Kim H, sinh ngày 14/10/2010. Sau ly hôn, bà P yêu cầu được quyền nuôi cháu Lê Kim H và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Lê Văn L đến để tiến hành hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông L vắng mặt không có lý do và không cung cấp lời khai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đã vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 8, 9, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên: Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Lê Văn L. Về con chung: Cháu Lê Thị Q, sinh ngày 30/3/1998, đã trưởng thành nên không xem xét. Giao cháu Lê Kim H, sinh ngày 14/10/2010 cho bà P được chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông L không phải cấp dưỡng

nuôi con chung. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Bà P chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn”. Bị đơn ông Lê Văn L có hộ khẩu thường trú tại ấp S, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo thẩm quyền.

Ông Lê Văn L (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà P và ông L chung sống với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V ngày 27/10/2003 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà P xin ly hôn nên Tòa án thụ lý, giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Trong quá trình hôn nhân, bà P trình bày do tính tình không phù hợp, ông L thường xuyên nhậu nhẹt nên thường xuyên cự cãi với nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Thời gian qua, hai vợ chồng cũng có thời gian để hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

Tòa án đã triệu tập ông L để tham gia phiên hòa giải nhưng ông L vắng mặt và không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà P thể hiện ông L không muốn hàn gắn.

Cuộc sống hôn nhân, vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, trở thành một tế bào của xã hội, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa bà P và ông L đã

xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại. Quan hệ vợ chồng giữa bà P và ông L trên thực tế đã không còn tồn tại, thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của bà P được ly hôn với ông L.

[2.2] Về con chung: Bà P xác định trong thời kỳ hôn nhân, giữa bà và ông L có 02 con chung tên Lê Thị Q, sinh ngày 30/3/1998 (đã trưởng thành và có khả năng lao động nên HĐXX không xem xét) và Lê Kim H, sinh ngày 14/10/2010.

Xét thấy, hiện nay cháu H đang sống với bà P, thời gian ly thân, cháu H được bà P chăm sóc tốt, phát triển bình thường và cháu H cũng có nguyện vọng được sống với bà P. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu H, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu, giúp cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu H cho bà P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên bà P không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Bà P phải tạo điều kiện cho ông L được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Bà P trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa bà P và ông L có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Bà P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Lê Văn L.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Lê Thị Q, sinh ngày 30/3/1998 (đã trưởng thành và có khả năng lao động) và Lê Kim H, sinh ngày 14/10/2010.

Giao con chung tên Lê Kim H, sinh ngày 14/10/2010 cho bà P được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà P không có yêu cầu.

Bà P phải tạo điều kiện cho ông L được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà P trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa bà P và ông L có phát sinh tranh chấp về tài sản chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

- Về nợ chung: Bà P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà P và

ông L trong thời kỳ sống chung thì bà P và ông L vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013905 ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Ông Lê Văn L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Bà P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết công khai./.

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- UBND xã Vọng Đông;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu VP, HS.

Mai Thị Vân